

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày 30-7-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Nụ

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thuận Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

**Trần Thị Đ**, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Số nhà 50B, tổ 11, phường Qu Tr, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc L và bà Đinh Thị N (đều đã chết); chồng là Ngô Văn X (đã chết); có 05 con. Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 66/2005/HSST ngày 01/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Thị Đ 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được giảm án, ra trại ngày 20/01/2011; Bản án số 205/2013/HSST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trần Thị Đ 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/9/2018.

Nhân thân: Ngày 31/8/2001 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình) xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong án phạt hình sự sơ thẩm ngày 08/11/2001);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 hiện bị cáo đang bị tạm

giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Bình thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Gia Th, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Số nhà 26/05, tổ 15, phường Qu Tr, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 619, tổ 4, phường Qu Tr, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/01/2021, tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Trần Thị Đ, sinh năm 1946; nơi cư trú: Số nhà 50B, tổ 11, phường Qu Tr, thành phố Thái Bình có biểu hiện bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác phối hợp với Công an phường Qu Tr, thành phố Thái Bình đến nhà Trần Thị Đ kiểm tra xác minh. Sau khi nghe tổ công tác giải thích, Trần Thị Đ tự nguyện lấy trong túi áo khoác bên phải đang mặc ra giao nộp 01 túi nilon trong suốt, kích thước (6x10)cm có mép cài viền đỏ bên trong có 16 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong tất cả các gói đều chứa ma túy loại Heroin (niêm phong ký hiệu là M1) và 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x6)cm có mép cài viền màu đỏ, bên trong có 04 túi nilon trong suốt có mép cài, trong túi đều chứa Methamphetamin (niêm phong ký hiệu là M2). Sau đó Trần Thị Đ tiếp tục lấy trên mặt ghế phòng ngoài tại nơi ở giao nộp 06 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong các gói đều chứa ma túy loại Heroin (niêm phong ký hiệu là M3).

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Đ, tổ công tác thu giữ trên mặt tủ lạnh gồm:

- 01 ví màu đỏ bên trong có 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x6)cm có mép cài viền màu đỏ bên trong có 05 túi nilon trong suốt, tất cả các túi đều chứa ma túy loại Methamphetamin (niêm phong ký hiệu M4); 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x6)cm có mép cài viền màu đỏ bên trong chứa heroin (niêm phong ký hiệu là M5).

- 01 ví màu đỏ thẫm bên trong có 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x6)cm có mép cài viền màu đỏ bên trong chứa ma túy loại Methamphetamin (niêm phong

ký hiệu M6); 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x6)cm có mép cài viền đỏ bên trong chứa ma túy loại Heroin (niêm phong ký hiệu M7).

- Thu trong ngăn tủ nhựa gần nhà vệ sinh 01 túi nilon trong suốt kích thước (4x8) cm có mép cài viền màu đỏ bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine (niêm phong ký hiệu M8)

- Thu trên mặt ghế phòng ngoài 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung đã cũ và 4.600.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 19/KLGD-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định các mẫu vật thu tại chỗ ở của Trần Thị Đ kết luận:

Mẫu M1 là ma túy loại Heroin, khối lượng 2,2698 gam;

Mẫu M2 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,7210 gam

Mẫu M3 là ma túy loại Heroin, khối lượng 0,6628 gam

Mẫu M4 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,4238 gam

Mẫu M5 là ma túy loại Heroin, khối lượng 6,9279 gam

Mẫu M6 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 5,4459 gam

Mẫu M7 là ma túy loại Heroin, khối lượng 19,4945 gam

Mẫu M8 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 3,1552 gam.

Tổng cộng, bị cáo Trần Thị Đ đã tàng trữ 29,355 gam Heroin và 12,7459 gam Methamphetamine.

Cáo trạng số 42/CT-VKSTB ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Trần Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận việc tàng trữ số ma túy mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra mục đích để bán, còn số ma túy cơ quan điều tra thu giữ tại mặt tủ lạnh bị cáo không biết của ai, không phải của bị cáo nhưng do khám xét được trong nhà bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, o khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 năm đến 17 năm tù, phạt tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí tội danh cáo trạng truy tố đối với bị cáo, về tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện

kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa và bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy:

[2.1] Bị cáo Trần Thị Đ chỉ thừa nhận số ma túy bị cáo tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra là của bị cáo mua về để bán kiếm lời, còn số ma túy cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nhà bị cáo không phải của bị cáo, thấy:

- Thứ nhất: Khi khám xét nhà bị cáo có sự chứng kiến của người làm chứng là ông Thành, ông Dân, trình tự thủ tục khám xét đúng quy định của pháp luật nên việc khám xét của cơ quan điều tra là khách quan.

- Thứ hai: Bị cáo sau khi chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại số nhà 50B, tổ 11, phường Qu Tr, thành phố Thái Bình, cùng sinh sống với bị cáo còn có con gái bị cáo là Ngô Thị V và hai chất ngoại của bị cáo. Ban ngày chị V đi bán hoa quả tại khu vực công vắng, ăn uống tại đó, tối về thì chăm hai cháu, chị V không biết việc bị cáo bán trái phép chất ma túy, số ma túy cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét chỗ ở của mẹ con chị không phải của chị V, chị không biết của ai. Hai chất ngoại của bị cáo còn nhỏ, hàng ngày chỉ có bị cáo ở nhà, bản thân bị cáo thừa nhận việc mua ma túy về bán kiếm lời, không có ai đến nhà bị cáo, do đó đối với số ma túy thu giữ khi khám nhà bị cáo thì bị cáo phải chịu trách nhiệm, việc bị cáo không thừa nhận số ma túy trên là không có cơ sở.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 09 giờ ngày 16/01/2021 tại nơi ở của Trần Thị Đ;
- Biên bản khám xét do cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 16/01/2021 tại nơi ở của Trần Thị Đ;
- Các biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 16/01/2021;
- Kết luận giám định số 19/KLGD-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định các mẫu vật thu tại chỗ ở của Trần Thị Đ gồm mẫu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8;
- Lời khai của những người chứng kiến là ông Bùi Gia Th, ông Nguyễn Văn D.

[2.3] Như vậy có đủ cơ sở kết luận ngày 16/01/2021, tại số nhà 50B, tổ 11, phường Qu Tr, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang Trần Thị Đ có hành vi tàng trữ 29,355 gam Heroin và 12,7459 gam Methamphetamin, mục đích để bán kiếm lời. Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

***Điều 251: Tội mua bán trái phép chất ma túy***

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;
2. ....
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:
  - a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
  - .....
  - h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.
  - .....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội liên quan đến ma túy, chưa được xóa án nhưng bị cáo không chịu cải tạo, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo tàng trữ 02 chất ma túy có tổng trọng lượng là 42,1009 gam mục đích để bán vì vậy cần áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS để xét xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Thị Đ có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Đ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi bị bắt giữ bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy cho cơ quan điều tra, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận số ma túy mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nhà bị cáo nhưng bị cáo xin chịu trách nhiệm đối với số ma túy này, vì vậy HĐXX vẫn cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “khai báo thành khẩn” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Ngoài hình phạt chính bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS

[6] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy trong 08 phong bì niêm phong trong đó có số ma túy đã thu giữ của bị cáo Trần Thị Đ, 02 ví màu đỏ đựng ma túy. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, đã qua sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội cần tuyên trả cho bị cáo. Số tiền 4.600.000đ thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tuyên trả nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực nhà xác nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, o khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2021.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Thị Đ 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định được đựng trong 08 phong bì; 02 ví màu đỏ.

- Tuyên trả bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung vỏ màu đen đã qua sử dụng.

- Tuyên trả số tiền 4.600.000đ thu giữ của bị cáo Trần Thị Đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Thể hiện chi tiết tại Biên bản giao nhận, bảo quản vật chứng, tài sản thi hành án ngày 09/6/2021 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án tỉnh Thái Bình)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/7/2021.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

*(đã ký)*

**Lương Hải Yến**